

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2020

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông **Trần Anh Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 870/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T1, xã T2, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ô1/52A, khu phố R, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh và chị G bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng bán để chi phí gia đình. Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 07-01-2003, tài sản chung và nợ chung không có.

Trong thời gian chung sống rất hạnh phúc tuy nhiên cách đây khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau sống không hạnh phúc, từ đó chị G bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly

thân hai bên không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh tôn trọng ý kiến của con. Trường hợp con nguyện vọng sống với anh thì anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con, trường hợp con nguyện vọng sống với chị G thì cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh T, trong thời gian chung sống cả hai thường xuyên cãi vã nhau từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn gia đình. Anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị tôn trọng ý kiến của con. Trường hợp con nguyện vọng sống với chị thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp con nguyện vọng sống với anh T thì việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị G; giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Lê Thị Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Anh T có yêu cầu ly hôn và chị G cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị G.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 07-01-2020, anh T và chị G thống nhất cho anh T được quyền nuôi dưỡng con tên Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 07-01-2003 và tại bản tự khai ngày 03-01-2020 cháu Hưng nguyện vọng sống với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Hưng cho anh T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T với chị Lê Thị Ngọc G.

2. Về con chung: Anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 07-01-2003. Chị G không cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị G không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010000 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Đông, huyện Hòa thành;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui